TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2021/HS-ST
Ngày 22/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân dân :

- Ông **Lê Văn Hoan**
- Bà **Đặng Thị Minh Anh**

Thư ký phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Hải Phương** ,Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B. Toà án nhân dân huyện B đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 21/2021/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/ QĐXXST- HS ngày 31/3/2021 đối với:

1/ Bị cáo: **DƯƠNG ĐÌNH Đ**, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Thôn Phú Xuyên 3, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Dương Văn N, sinh năm: 1964; Con bà Phan Thị Q, sinh năm: 1963 ;Vợ là Đỗ Thị Thanh L, sinh năm: 1995; Con có 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 96/2012/HSST ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội xử phạt Đ 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 104 BLHS 1999. Đ thi hành xong hình phạt tù ra trại ngày 26/5/2013, chấp hành xong án phí ngày 15/8/2012; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/8/2020tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo: **NGUYỄN THẾ T**, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Thôn Phú Xuyên 2, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thế K, sinh năm: 1966; Con bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1972;Vợ là Lường Thị V, sinh năm: 2002; Con: chưa có. Tiền án: 01 tiền án; Tại Bản án số 547/2015/HSPT ngày 23/9/2015 của TAND thành phố Hà Nội xử phạt T 05 năm tù giam về tội "Cướp T sản" quy định tại Khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999. T được tha tù trước hạn có điều kiện, ra trại ngày 02/5/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2019; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/8/2020 tại trại tạm giam số 1 – Công an Tp Hà Nội cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Bị cáo: **ĐỖ XUÂN C**, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn Phương Châu, xã Q, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; Con ông Đỗ Xuân Tr, sinh năm: 1962; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967; Vợ là Lê Thị Thu H, sinh năm: 1989; Con có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/9/2020 tại trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người Bị hại:** Anh **Đoàn Trung H**, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn Phong Châu, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Phan Huy T**, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: Thôn Phú Xuyên 2, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội.

(Anh H xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau *:*

Khoảng 20 giờ ngày 26/8/2020, Nguyễn Thế T điều khiển xe mô tô Jupiter BKS: 28F8-4980 chở theo Đỗ Xuân C đi chơi tại khu vực xã P, huyện B. Trên đường đi, C nhận được điện thoại của Đoàn Trung H rủ C đi chơi. Do nhận ra H

chính là người đã nợ tiền của Dương Đình Đ, Đ đã nhiều lần đi tìm H để đòi nợ nhưng không gặp nên T sử dụng điện thoại di động nhắn tin báo cho Đ biết và hỏi có muốn gặp H hay không. Đ đồng ý và bảo T qua nhà đón Đ. Khi đến nơi, Đ đang chờ ở sân và trên tay Đ cầm 01 gậy rút 3 khúc. Sau đó, T điều khiển xe máy chở cả ba cùng ra khu vực cánh đồng thôn Phong Châu, xã P. Tại đây, Đ có kể cho C biết về việc H có nợ Đ số tiền 20.000.000 đồng từ khoảng 2 năm trước, Đ tìm gặp nhiều lần để đòi nợ nhưng H bỏ trốn. Lúc này, Đ liền nhờ C gọi điện hẹn gặp H tại cánh đồng với mục đích để Đ và T bắt, ép H phải trả nợ. Sau đó, C sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 của C và dùng T khoản Facebook "C Gio" gọi nhắn tin đến T khoản Facebook Messinger "Đ-Trung Hà" của H để nói dối về việc C muốn cắm một chiếc điện thoại lấy 400.000 đồng. H tin và đồng ý gặp C ở địa điểm trên. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, H một mình điều khiển xe máy đi đến điểm hẹn gặp C. Khi phát hiện thấy ánh đèn xe máy của H, T núp vào bờ ruộng, Đ ngồi phía sau xe C đang ngồi để không cho H phát hiện. Khi H vừa đến nơi, T lao ra, tay trái giữ cổ tay của H, tay phải giơ con dao bấm T cầm theo trước đó để đe dọa, khống chế không cho H bỏ chạy. Đồng thời, Đ cầm theo gậy rút T đến yêu cầu H phải ngồi xuống đường. Lúc này, Đ yêu cầu H phải trả ngay số tiền nợ 20.000.000 đồng. H hoảng sợ nên van xin Đ cho khất nợ nhưng Đ không đồng ý. H xin Đ cho về nhà để xin tiền bà của H đem ra trả Đ nhưng Đ không tin, không cho về và yêu cầu H bảo người nhà đem tiền ra. Đ dùng gậy 3 khúc vụt 2 phát vào lưng H và tiếp tục yêu cầu H phả trả tiền. H tiếp tục van xin, để cho H về lấy 5.000.000 đồng của vợ H đem trả Đ nhưng Đ không đồng ý và tiếp tục dùng đầu gối chân trái đánh vào mặt H, tay phải cầm gậy vụt một phát vào lưng H. Do hoảng sợ, H xin Đ cho để lại xe máy của H để về lấy tiền trả Đ nhưng Đ cũng không đồng ý. Lúc này, C biết H có chiếc điện thoại Iphone XS Max có giá trị nên bảo Đ giữ lại điện thoại của H để làm tin rồi cho H về nhà lấy tiền trả nợ. Lo sợ việc H sẽ báo Công an nên Đ bảo T sử dụng điện thoại quay lại video và yêu cầu H nói theo hướng dẫn của Đ. Sau đó, do H đề nghị nên T đã đi cùng H về nhà H để lấy tiền. Về đến đầu ngõ, T xuống xe đứng chờ, còn H về nhà xin tiền bà và vợ để trả nợ cho Đ. Do không được bà và vợ cho tiền nên H đã trình báo sự việc trên đến Công an xã P. Còn T chờ không thấy H quay ra, biết H không đưa tiền nên T đã quay lại gặp Đ và C nói cho Đ biết sự việc.

Quá trình điều tra, T đã tự nguyện giao nộp 02 (hai) video do T sử dụng điện thoại quay lại được sự việc nêu trên. CQĐT- CA huyện B đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 303 ngày 12/11/2020 để T hành giám định các file do T giao nộp nêu trên. Tại bản kết luận giám định số: 8051/C9-P6 ngày 25/12/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *"Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video giám định"*

Ngày 21/10/2020 CQĐT-CA huyện B đã ra Yêu cầu định giá số: 118 để xác định trị giá của chiếc điện thoại di động Iphone XS Max trong vụ việc trên. Tại Kết luận định giá T sản số: 120/2020/KL-ĐGTS ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: *"Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max Imel: 357266098718642, 357266098587146"* là: 7.000.000 đồng.

Đối với Phan Huy T: là người đã cho T mượn chiếc xe máy BKS: 28F8- 4980 để sử dụng làm phương tiện trong vụ án nêu trên. T không biết việc T sử dụng chiếc xe máy của mình làm phương tiện để gây án. Do đó, CQĐT- CA huyện B không đề cập xử lý Phan Huy T trong vụ án.

Vật chứng CQĐT thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, Imei: 357266098718642, 357266098587146 do Dương Đình Đ giao nộp (là chiếc điện thoại Đ giữ của H). CQĐT- CA huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu, anh H đã nhận lại tài sản.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 28F8- 4980 do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp.

- 02 (hai) đoạn video ghi lại hình ảnh Dương Đình Đ đánh ép Đoàn Trung H trả nợ do Nguyễn Thế T giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, Imel: 356742100934242 do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp.

- 01 (một) tập tài liệu phô tô gồm 13 trang ghi nhận đoạn tin nhắn giữa C và T do Nguyễn Thế T giao nộp.

- 01 (một) tập tài liệu phô tô gồm 05 trang ghi nhận tin nhắn giữa Đ và T do Dương Đình Đ giao nộp.

Vật chứng chưa thu giữ được:

- 01 (một) gậy kim loại, dạng gậy rút 03 khúc do Dương Đình Đ sử dụng làm hung khí đánh khi đòi nợ H. Cơ quan điều tra tiến hành Khám xét nơi ở của Đ và T hành truy tìm theo lời khai của Đ nhưng không thu giữ được.

- 01 (một) dao bấm do Nguyễn Thế T sử dụng để đe dọa, khống chế không cho H bỏ chạy. Cơ quan điều tra đã tiến hành Khám xét nơi ở của T và truy tìm con dao theo lời khai của T nhưng không thu giữ được.

- 01 (một) điện thoại Samsung J7 là điện thoại của C sử dụng để hẹn gặp H. Do C đã bán chiếc điện thoại này, C không nhớ được địa điểm bán điện thoại nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Đối với các vật chứng là 02 đoạn video, 02 tập tài liệu phô tô tin nhắn sẽ chuyển cùng hồ sơ vụ án. Các vật chứng còn lại mà CQĐT đã thu giữ, VKSND huyện B sẽ ra quyết định chuyển vật chứng yêu cầu CQĐT-CA huyện B chuyển đến Kho vật chứng của cơ quan Thi hành án dân sự huyện B để phục vụ quá trình giải quyết án.

Về dân sự: Anh Đoàn Trung H đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone XS Max nêu trên nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nữa.

Tại bản cáo trạng số : 22 /CT- VKS ngày 8 tháng 3 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử bị cáo Dương Đình Đ, Đỗ Xuân C về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015; Bị cáo Nguyễn Thế T tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 BLHS;

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, và mức độ hành vi của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo nội dung cáo trạng truy tố.

Hành vi của các bị cáo Dương Đình Đ, Đỗ Xuân C, Nguyễn Thế T phạm tội "Cướp tài sản". Đề nghị HĐXX áp dụng:

+ Điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS ; điểm s, b, t khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Dương Đình Đ từ 4 đến 5 năm tù;

+ Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Xuân C từ 7 đến 7 năm 6 tháng tù;

+ Điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù;

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đoàn Trung H đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại Iphone XS Max nêu trên nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nữa.

Về vật chứng:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 28F8- 4980 do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp. Đây là T sản của anh Nguyễn Thế T, khi cho T mượn anh T không biết T dùng để phạm tội nên đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho anh T .

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, Imel: 356742100934242 do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp là phương tiện để các bị cáo liên lạc với nhau, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tại liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa ;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội khẩn cấp, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người liên quan, biên bản thu giữ tang vật CQĐT và các tài liệu chứng cứ thu thập được đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định cơ sở xác định:

Khoảng 23h ngày 26/8/2020, tại cánh đồng thuộc thôn Phong Châu, xã P, huyện B, thành phố Hà Nội, Dương Đình Đ, Nguyễn Thế T, Đỗ Xuân C đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc dùng dao bấm đe dọa, dùng gậy ba khúc vụt vào lưng và chân tay không đánh vào người anh Đoàn Trung H với mục đích yêu cầu H phải trả số tiền nợ 20.000.000 đồng cho Đ. Do anh H không có tiền trả nợ nên Đ, T, C đã giữ chiếc điện thoại Iphone XS Max trị giá 7.000.000,đ của anh H để làm tin bắt H về nhà lấy tiền trả nợ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Dương Đình Đ, Nguyễn Thế T, Đỗ Xuân C đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cướp tài sản". Do các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm là dao bấm và gậy rút 3 khúc để thực hiện tội phạm, nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp " sử dụng phương tiện nguy hiểm", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thế T đã có 01 tiền án tại bản án hình sự phúc thẩm số: 547/2015/HSPT ngày 23/9/2015 của TAND thành phố Hà Nội xử phạt T 05 năm tù giam về tội Cướp tài sản. T được tha tù trước hạn có điều kiện, ra trại ngày 02/5/2019, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/11/2019 về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này T lại thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nên hành vi của T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm với tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 BLHS năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng Pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về T sản của cá nhân, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng sức khỏe con người mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi gây nguy hiểm cho xã hội do mình gây ra. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi do các bị cáo thực hiện, HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc mới có đủ sức răn đe, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng giữa các bị cáo. Nên HĐXX cần phải đánh giá vai trò của từng bị cáo để có một hình phạt tương xứng với hành vi do các bị cáo gây ra. Cụ thể: Trong vụ án này, bị cáo Dương Đình Đ và bị cáo NguyễnThế T là hai bị cáo có hành vi tham gia tích cực nhất. Đ tuy không phải là người rủ rê, khởi xướng nhưng xuất phát từ việc vay mượn của bị cáo với anh H, khi nghe T nói có muốn gặp H không, Đ đã chuẩn bị một gậy rút 3 khúc, khi gặp H đe dọa uy hiếp và dùng gậy rút 3 khúc vụt ba cái vào lưng và dùng đầu gối chân trái đánh vào mặt anh H nhằm uy hiếp anh H phải trả tiền. Bị cáo T là người chủ động gọi cho Đ để gặp H. T là người trực tiếp điều khiển xe máy chở Đ đến điểm hẹn H, dùng tay trái giữ cổ tay của H, tay phải giơ con dao bấm T cầm theo trước đó để đe dọa, khống chế không cho H bỏ chạy. T còn trực tiếp áp tải anh H về nhà để lấy tiền. Hành vi của bị cáo Đ và T trong vụ án này có vai trò ngang nhau. Đối với bị cáo C tuy không trực tiếp đánh anh H nhưng C sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 của mình và dùng T khoản Facebook “C Gio” gọi nhắn tin đến T khoản Facebook Messinger “Đ- Trung Hà” của H để nói dối về việc C muốn cắm một chiếc điện thoại lấy 400.000 đồng. C biết H có chiếc điện thoại Iphone XS Max có giá trị nên chủ động bảo Đ giữ lại điện thoại của H để làm tin rồi cho H về nhà lấy tiền trả nợ, nên vai trò của bị cáo C sau bị cáo Đ và T.

Đối với bị cáo T hành vi phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong số các bị cáo.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Dương Đình Đ, Nguyễn Thế T và Đỗ Xuân C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Đ trong thời gian tạm giam tại Trại tạm giam đã tích cực vận động gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bồi thường về tinh thần cho anh H số tiền 5.000.000,đ, số tiền này được nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Bị cáo Đ đã có công giúp CQĐT công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện tội phạm (có xác nhận của CQĐT công an Tỉnh Tuyên Quang). Gia đình bị cáo Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của UBND xã P. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, b, t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo Dương Đình Đ có nhân thân xấu tại bản án số: 96/2012/HSST ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội xử phạt Đ 18 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 104 BLHS 1999. Đ thi hành xong hình phạt tù ra trại ngày 26/5/2013, chấp hành xong án phí ngày 15/8/2012.

[4]. Về quyết định hình phạt chính : Xét về tính chất vụ án và nhân thân của các bị cáo thì cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo cũng thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội cũng bắt nguồn từ nguyên nhân H có nợ tiền Đ đã lâu không trả, nên HĐXX cũng cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình cho bị cáo. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51BLHS nên có thể áp dụng Điều 54 BLHS xử dưới khung hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, do vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo như quy định tại khoản 6 Điều 168 BLHS.

[6]. Vấn đề khác: Đối với Phan Huy T là người đã cho T mượn chiếc xe máy BKS: 28F8- 4980 để sử dụng làm phương tiện trong vụ án nêu trên. T không biết

việc T sử dụng chiếc xe máy của mình làm phương tiện để gây án. Do đó, CQĐT-CA huyện B không đề cập xử lý Phan Huy T trong vụ án là có căn cứ.

[7].Về dân sự : Anh Đoàn Trung H đã nhận lại T sản là chiếc điện thoại Iphone XS Max nêu trên nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nữa.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Đ cho anh H số tiền 5.000.000đ bồi thường về tinh thần được gửi giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: 0008871 ngày 31/3/2021.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, Imei: 357266098718642, 357266098587146 do Dương Đình Đ giao nộp (là chiếc điện thoại Đ giữ của H). CQĐT- CA huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu, anh H đã nhận lại tài sản là đúng quy định.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 28F8- 4980 do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp. Đây là tài sản của anh Nguyễn Thế T, khi cho T mượn anh T không biết T dùng để phạm tội nên HĐXX xét thấy trả lại chiếc xe cho anh T là có căn cứ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, màu đen, đã cũ hỏng, điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra được số imeil bên trong do Nguyễn Thế T tự nguyện giao nộp là phương tiện để các bị cáo liên lạc với nhau, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo Đ, T, C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Dương Đình Đ, Nguyễn Thế T, Đỗ Xuân C phạm tội " Cướp tài sản ".

1/ Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm d, Khoản 2, Điều 168; Điểm b, s, t, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Dương Đình Đ 04 *(Bốn)* **năm tù**. Thời hạn tù của bị cáo kể từ ngày 27/8/2020.

Áp dụng : Điểm d, h, Khoản 2, Điều 168; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Nguyễn Thế T 07 *(Bảy)* **năm 06** *(Sáu)* **tháng tù.** Thời hạn tù của bị cáo kể từ ngày 27/8/2020.

Áp dụng : Điểm d Khoản 2, Điều 168; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt : Đỗ Xuân C 07 *(Bảy)* **năm tù.** Thời hạn tù của bị cáo kể từ ngày 28/9/2020.

2/ Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3/ Về dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Dương Đình Đ cho anh Đoàn Trung H số tiền bồi thường về tinh thần là 5.000.000,đ *(Năm triệu đồng)* được gửi giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: 0008871 ngày 31/3/2021. Anh H được lấy số tiền trên.

4/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tuyên trả 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS: 28F8- 4980 cho anh Phan Huy T.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, màu đen, đã cũ hỏng, điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra được số imeil bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án huyện B ngày 15/4/2021)

5/ Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ, T, C mỗi bị cáo phải nộp 200.000,đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Bị cáo Đ, C, T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Toà

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND Ba Vì;
- Công an Ba Vì;
- T.H.A Ba Vì;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

Đặng Trung Thành